

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN CHÂU
TỈNH TÂY NINH**

Bản án số: 59/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 05-9-2024

“V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con”.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN CHÂU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Thành Chung**.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Trần Hữu Tiến**;

2. Ông **Nguyễn Văn Thả**.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Lợi, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông **Lê Đại Phụng** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 05 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 171/2024/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2024 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 68/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1976; nơi cư trú: Tổ E, ấp Đ, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1965; nơi cư trú: Tổ E, ấp Đ, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 22/4/2024 và các lời khai tại Tòa án nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:

- Về hôn nhân: Bà và ông T1 chung sống vợ chồng vào năm 1994, có đăng ký kết hôn tại UBND xã S, huyện T, tỉnh Tây Ninh. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2020 phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống dẫn đến thường gây gổ, cãi vã với nhau, không nói chuyện với nhau, đã sống ly thân từ tháng 5/2024 cho đến

nay không đoàn tụ được. Nay bà xét thấy vợ chồng không thể chung sống được nữa nên yêu cầu được ly hôn.

- Về con chung: Bà và ông T1 có hai con chung là Nguyễn Mạnh T2, sinh ngày 11/11/1995 và Nguyễn Mạnh P, sinh ngày 08/9/2006. Nay con tên T2 đã thành niên nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bà yêu cầu được nuôi con tên P, không yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn là ông Nguyễn Văn T1 đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng anh vẫn vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án không có lý do nên không có lời trình bày.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh đã thụ lý và giải quyết vụ án đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; không xảy ra vi phạm về tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án.

- Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án để xét xử theo hướng:

+ Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị T đối với ông Nguyễn Văn T1.

+ Về con chung: Con tên T2 đã thành niên nên không đặt ra giải quyết. Giao cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên P; ghi nhận bà T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Bà T không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

+ Bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà T là Nguyên đơn vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Ông T1 là Bị đơn vắng mặt không có lý do dù đã được triệu tập họp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa. Căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà T, ông T1.

[2] Về hôn nhân:

[2.1] Bà T khai nhận, bà và ông T1 chung sống với nhau từ năm 1994, có đăng ký kết hôn ngày 30/12/1994 tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện T, tỉnh Tây Ninh là phù hợp với Giấy chứng nhận kết hôn do chị cung cấp.

[2.2] Quá trình giải quyết vụ án, bà T khai nhận vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống dần đến thường gây gổ, cãi vã với nhau, không nói chuyện với nhau, đã sống ly thân từ tháng 5/2024 cho đến nay không đoàn tụ được. Nay bà yêu cầu được ly hôn với ông T1. Ông T1 đã được Tòa án triệu tập lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa nên không có lời trình bày. Qua kết quả xác minh tại địa phương có đủ căn cứ xác định lời trình bày của bà T là có căn cứ. Do đó, đã có đủ cơ sở xác định ông bà không xây dựng được hạnh phúc gia đình, tình trạng hôn nhân giữa ông bà đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của bà T là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Ông bà có hai con chung là Nguyễn Mạnh T2, sinh ngày 11/11/1995 và Nguyễn Mạnh P, sinh ngày 08/9/2006. Nay con tên T2 đã thành niên, bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra giải quyết. Bà T yêu cầu được nuôi con tên P, không yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nuôi con. Cháu P có nguyện vọng muốn sống với bà T3 nên giao bà T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; ghi nhận bà T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà T không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[6] Xét đề nghị của vị Kiểm sát viên tài phiên tòa phù hợp với những nhận định trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị T đối với ông Nguyễn Văn T1. Bà Nguyễn Thị T được ly hôn với ông Nguyễn Văn T1.

2. Về con chung:

2.2. Con chung tên Nguyễn Mạnh T2, sinh ngày 11/11/1995 đã thành niên, bà T không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

2.2. Giao cho bà Nguyễn Thị T được tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Mạnh P, sinh ngày 08/9/2006; ghi nhận bà Nguyễn Thị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Ông Nguyễn Văn T1 có quyền, nghĩa vụ nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị T không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình, được trừ vào 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0006167 ngày 09/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh; bà Nguyễn Thị T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Báo cho bà T, ông T1 biết có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh để xét xử phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết hợp lệ.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- UBND xã;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

Nguyễn Thành Chung